

**TÀI LIỆU KỸ THUẬT****NIPPON S450 HEAT RESISTING BLACK****Mô tả:**

Là loại sơn dầu gốc Silicone, có thể chịu được nhiệt độ đến 450°C, NIPPON S450 HEAT RESISTING BLACK đem lại sự bảo vệ tuyệt vời cho các đường ống xả, lò sưởi, nồi hơi, ống khói và các thiết bị chịu nhiệt khác.

**Đặc tính vật lý:**

|               |                            |
|---------------|----------------------------|
| Màu           | : Đen                      |
| Hoàn thiện    | : Bóng mờ                  |
| Tỷ trọng      | : $1.36 \pm 0.05$          |
| Hàm lượng rắn | : $49 \pm 2$ theo thể tích |

**Đặc tính khác:**

Sản phẩm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08:2020/BCT về giới hạn hàm lượng Chì trong sơn.

**Hướng dẫn sử dụng:****Chuẩn bị bề mặt**

NIPPON S450 HEAT RESISTING BLACK thường không được sơn trực tiếp lên bề mặt thép và không nên sử dụng ở những nơi có độ ăn mòn cao và thường được sử dụng khi có yêu cầu về thẩm mỹ.

Bề mặt phải sạch, không dính rỉ sét, dầu, mỡ hoặc các tạp chất khác. Nên chà bề mặt bằng bàn chải sắt, tối thiểu phải đáp ứng theo tiêu chuẩn Thụy điển ST 3.0. Để có kết quả tốt nhất, nên sơn lót bằng NIPPON INORGANIC ZINC COATING (NIOZ) hoặc NIPPON S500 HEAT RESISTING PRIMER với độ dày màng sơn khô tối thiểu là 20 - 25 micron.

|                                              |                                                                               |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Số lớp sơn đề nghị                           | : 1 lớp                                                                       |
| Độ dày đề nghị cho mỗi lớp sơn               | : 30 microns đối với màng sơn khô<br>61 microns đối với màng sơn ướt          |
| Độ phủ lý thuyết cho độ dày màng sơn đề nghị | : $16.3 \text{ m}^2 / \text{lít}$ (đối với độ dày màng sơn khô là 30 microns) |

$$\text{Độ phủ lý thuyết} \left( \frac{\text{m}^2}{\text{lít}} \right) = \frac{\text{Hàm lượng rắn theo thể tích (\%)} \times 10}{\text{Độ dày màng sơn khô } (\mu)}$$

|                              |                                                                               |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Độ phủ thực tế (hao hụt 20%) | : $13.1 \text{ m}^2 / \text{lít}$ (đối với độ dày màng sơn khô là 30 microns) |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|

**Ghi chú:** Độ phủ lý thuyết được tính dựa trên hàm lượng rắn theo thể tích của vật liệu và có liên quan đến độ dày màng sơn được thi công trên bề mặt chuẩn và chưa tính hao hụt. Do điều kiện môi trường, độ phẳng của bề mặt, cấu tạo hình học của vật thể được sơn, kỹ năng của người thi công, phương pháp thi công ... mà độ phủ thực tế sẽ được tính tương đối cho từng trường hợp cụ thể.

**NIPPON PAINT (VIETNAM) CO., LTD**

Số. 14, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Điện thoại: (84).251.3836579 – 3836586, Fax: (84).251.3836346 – 3836349

[www.nipponpaint.com](http://www.nipponpaint.com)

## NIPPON S450 HEAT RESISTING BLACK

### Dữ liệu thi công:

|                                       |                                                                                                                                                                                                    |  |                    |                                       |       |                                  |        |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------|---------------------------------------|-------|----------------------------------|--------|
| <b>Phương pháp thi công</b>           | : Cọ quét, con lăn hoặc súng phun có khí                                                                                                                                                           |  |                    |                                       |       |                                  |        |
| <b>Dữ liệu phun</b>                   | : <table><tr><td></td><td><u>Phun có khí</u></td></tr><tr><td>Áp lực cung cấp (kg/cm<sup>2</sup>)</td><td>3 - 4</td></tr><tr><td>Kích thước đầu phun ở 60° độ góc</td><td>1.3 mm</td></tr></table> |  | <u>Phun có khí</u> | Áp lực cung cấp (kg/cm <sup>2</sup> ) | 3 - 4 | Kích thước đầu phun ở 60° độ góc | 1.3 mm |
|                                       | <u>Phun có khí</u>                                                                                                                                                                                 |  |                    |                                       |       |                                  |        |
| Áp lực cung cấp (kg/cm <sup>2</sup> ) | 3 - 4                                                                                                                                                                                              |  |                    |                                       |       |                                  |        |
| Kích thước đầu phun ở 60° độ góc      | 1.3 mm                                                                                                                                                                                             |  |                    |                                       |       |                                  |        |
| <b>Pha loãng</b>                      | : Cọ quét & Con lăn TỐI ĐA 10%<br>Phun có khí TỐI ĐA 20% (18 - 20 giây bằng cốc đo NK 2)                                                                                                           |  |                    |                                       |       |                                  |        |
| <b>Điều kiện khuấy trộn</b>           | : Hiện tượng lắng có thể xảy ra, cần khuấy kỹ trước khi sử dụng.                                                                                                                                   |  |                    |                                       |       |                                  |        |

**Dung môi pha loãng** : NIPPON HEAT RESISTING THINNER

**Dung môi vệ sinh** : NIPPON HEAT RESISTING THINNER

**Ghi chú:** Tất cả các thiết bị phải được làm sạch ngay bằng dung môi sau khi sử dụng. Các dung môi thay thế không được chỉ định hoặc cung cấp bởi công ty Sơn Nippon mà được dùng để pha loãng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản phẩm và mặc nhiên sẽ không được bảo đảm hay bảo hành.

### Thời gian khô ở 25°C đến 30°C:

|                                                 |                   |
|-------------------------------------------------|-------------------|
| <b>Khô bề mặt</b>                               | : 30 phút         |
| <b>Thời gian chuyển tiếp giữa 2 lớp sơn</b>     | : Tối thiểu 8 giờ |
| <b>Thời gian khô hoàn toàn ở 200°C to 240°C</b> | : Khoảng 30 phút  |

**Đóng gói** : 5 Lít & 20 Lít

### Điều kiện môi trường khi thi công:

1. Không thi công khi độ ẩm lớn hơn 85%. Nhiệt độ của bề mặt cần sơn phải lớn hơn điểm sương ít nhất là 3°C.
2. Không thi công khi nhiệt độ môi trường thấp hơn 7°C. Vì nếu thi công thì thời gian khô và thời gian chuyển tiếp giữa các lớp sơn sẽ lâu hơn.
3. Phải đảm bảo thông thoáng trong khi thi công, không được sử dụng gần nơi có nguồn lửa & không hút thuốc.

### Thông tin An toàn, Sức khỏe và Môi trường:

1. Chất lỏng dễ cháy. Không được để ở gần nơi có nhiệt độ cao, nơi có tia lửa hoặc lửa ngọn.
2. Khi tiếp xúc với da: Có thể gây kích ứng da ở mức độ trung bình. Tránh tiếp xúc lâu với da. Sử dụng bao tay làm từ vật liệu có khả năng chịu được dung môi. Dùng xà phòng và nước để rửa sạch các vết sơn bám trên da.
3. Khi hít vào: Gây kích thích hệ hô hấp. Chỉ sử dụng ở nơi thông thoáng. Tránh hít bụi sơn. Sử dụng mặt nạ phòng hơi độc với bộ lọc có thể lọc được dung môi hữu cơ.

## NIPPON PAINT (VIETNAM) CO., LTD

Số. 14, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Điện thoại: (84).251.3836579 – 3836586, Fax: (84).251.3836346 – 3836349

[www.nipponpaint.com](http://www.nipponpaint.com)

## NIPPON S450 HEAT RESISTING BLACK

4. Khi tiếp xúc với mắt: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng và giảm thị lực. Sử dụng kính bảo hộ với phần che cả 2 bên mắt. Khi bị bắn sơn vào mắt, nên rửa với thật nhiều nước và tham vấn bác sỹ.
5. Khi nuốt phải: Rất nguy hiểm nếu nuốt phải. Để xa đồ ăn, thức uống và tầm với của trẻ em. Nếu nuốt phải, nên gặp bác sỹ ngay và mang theo thùng sơn hoặc nhãn sơn.
6. Trong trường hợp bị đổ, thu gom bằng đất hay cát hoặc vật liệu hút thích hợp. Không được đổ sơn vào cống, rãnh hay nguồn nước.
7. Chất thải và thùng rỗng nên được xử lý và thải bỏ theo qui định của quốc gia và địa phương. Thùng rỗng và các bao bì đóng gói khác nên được tái sản xuất, tái chế hoặc thải bỏ bởi cơ quan có chức năng.

**GHI CHÚ:** Những thông tin trên đây áp dụng cho sản phẩm ở điều kiện kiểm tra xác định. Bởi vì những điều kiện, tình huống mà sản phẩm được sử dụng là nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, do đó để có hướng dẫn cụ thể, vui lòng liên lạc Bộ phận Hỗ trợ Khách hàng của Công ty Sơn Nippon. Chúng tôi có thể chỉnh sửa tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm mà không cần báo trước.

## NIPPON PAINT (VIETNAM) CO., LTD

Số. 14, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Điện thoại: (84).251.3836579 – 3836586, Fax: (84).251.3836346 – 3836349

[www.nipponpaint.com](http://www.nipponpaint.com)